TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 17/5/2019
V/v "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Bùi Thị Nguyễn

Các Thẩm phán : Ông Hoàng Ngọc Linh

: Ông Nguyễn Văn Thiện

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thanh Hằng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Ông Hồ Văn Ta- Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số: 09/2019/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc *"*Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"*

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 70/2019/HNGĐ-ST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 173/2019/QĐXX-PT ngày 19 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Hoàng T, sinh năm 1968.

Cư trú: Nhà chưa có số, tổ 55, ấp 1, Xã B, huyện T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Phan Thị Mộng T, sinh năm 1968;

Cư trú: Nhà chưa có số, Tổ 55, ấp 1, Xã B, huyện T, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, có mặt anh Tuấn, chị Tuyền.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm thể hiện:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 26/6/2018, quá trình tố tụng nguyên đơn anh Lê Hoàng T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Tuấn và chị Tuyền tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã B vào năm 1995. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị Tuyền cờ bạc gây nợ nần,

anh Tuấn đã nhiều lần khuyên nhủ, chị Tuyền hứa nhưng vẫn tiếp tục cờ bạc gây thêm nợ nên mâu thuẫn vợ chồng ngày trầm trọng. Năm 2017, chị Tuyền đã khởi kiện ly hôn, nhưng vì các con nên anh, chị đã thống nhất rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm, tuy nhiên kéo dài hơn một năm giữa anh, chị không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, nên anh Tuấn yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên: Lê Hoàng Trung Tín, sinh ngày 29/10/1996 và Lê Thị Thiên Thanh, sinh ngày 15/8/2003. Cháu Tín đã trưởng thành, cháu Thanh có nguyện vọng được sống với mẹ, anh Tuấn đồng ý để chị Tuyền nuôi dưỡng cháu Thanh và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Thanh mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu Thanh tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, anh Tuấn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn: Chị Phan Thị Mộng T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Tuấn về thời gian và điều kiện kết hôn, anh, chị cưới nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã B vào năm 1995. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn anh Tuấn trình bày chỉ đúng một phần. Chị Tuyền thừa nhận trước đây chị có cờ bạc gây nợ nần nhưng hiện nay chị đã không còn cờ bạc nữa, hiện nay chị có nợ người khác nhưng do chị làm ăn thất bại chứ không phải nợ do cờ bạc như anh Tuấn trình bày. Ngoài ra, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Tuấn có người phụ nữ khác. Chị Tuyền nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Tuấn không thể níu kéo khi anh Tuấn cương quyết ly hôn, do đó chị đồng ý ly hôn với điều kiện anh Tuấn phải giao căn nhà là tài sản chung vợ chồng cho hai con.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Hoàng Trung Tín, sinh ngày 29/10/1996 và Lê Thị Thiên Thanh, sinh ngày 15/8/2003. Cháu Thanh có nguyện vọng sống với chị Tuyền nên chị đồng ý nuôi con, đồng ý với mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng theo sự tự nguyện của anh Tuấn.

- Về tài sản chung: Chị Tuyền không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Tuy nhiên, chị Tuyền yêu cầu giao tài sản chung vợ chồng là căn nhà tọa lạc tại Xã B, huyện T, tỉnh An Giang cho hai con là Lê Hoàng Trung Tín và Lê Thị Thiên Thanh vì chị Tuyền cho rằng anh Tuấn đang có người phụ nữ khác, chị Tuyền sợ mất tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 70/2019/HNGĐ-ST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

"1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hoàng T.

- Về hôn nhân: Anh Lê Hoàng T được ly hôn với chị Phan Thị Mộng T.

- Về con chung: Anh Lê Hoàng T và chị Phan Thị Mộng T có 02 con chung tên Lê Hoàng Trung Tín, sinh ngày 29-10-1996 và Lê Thị Thiên Thanh, sinh ngày 15-8-2003, hiện nay cháu Tín đã trưởng thành. Chị Tuyền được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thanh.

Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự tự nguyện của anh Tuấn cấp dưỡng nuôi cháu Thiên Thanh, mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng/tháng); thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, kể từ ngày 10-3-2019 cho đến khi cháu Thanh tròn 18 tuổi và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân; tiền cấp dưỡng do chị Tuyền đại diện nhận.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có"

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 13/3/2019, chị Phan Thị Mộng T có Đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 70/2019/HNGĐ-ST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, với lý do không đồng ý ly hôn với anh Lê Hoàng T.

Tại phiên tòa hôm nay,

- Chị Phan Thị Mộng T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Chị chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện là chị và anh Tuấn tặng cho tài sản chung cho 2 con.

- Anh Tuấn không đồng ý theo yêu cầu của chị Tuyền vì hiện tại chị Tuyền nợ rất nhiều, nếu tặng cho tài sản cho 2 con, con sẽ tặng cho lại chị Tuyền thì không giữ được tài sản .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng, thời hạn kháng cáo của chị Phan Thị Mộng T là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phan Thị Mộng T; giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

[2]. Về thủ tục kháng cáo: Bản án sơ thẩm được tuyên ngày 05/3/2019, đến ngày 13/3/2019, chị Phan Thị Mộng T kháng cáo là trong thời gian luật định, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3]. Về nội dung kháng cáo: Chị Phan Thị Mộng T kháng cáo không đồng ý ly hôn với anh Lê Hoàng T.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy: Gia đình hạnh phúc được xây dựng trên tình cảm của cả vợ và chồng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh Tuấn và chị Tuyền, nhưng anh Tuấn vẫn không đồng ý đoàn tụ và yêu cầu ly hôn vì không còn tình yêu thương với chị Tuyền. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho anh Tuấn ly hôn với chị Tuyền là có cơ sở.

[5]. Tại phiên tòa hôm nay, chị Tuyền xác định tình cảm giữa chị và anh Tuấn không còn, không thể đoàn tụ trở lại. Việc không đồng ý ly hôn vì anh Tuấn không đồng ý tặng cho hai con nhà đất là tài sản chung của vợ chồng. Như vậy, việc chị Tuyền không đồng ý ly hôn chỉ vì vấn đề tài sản, không vì tình cảm đối với anh Tuấn, nên yêu cầu kháng cáo của chị Tuyền không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Đại diện Viện kiểm sát tỉnh An Giang đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của chị Tuyền. Xét thấy, đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Do đó, bác yêu cầu kháng cáo của chị Phan Thị Mồng Tuyền; giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 70/2019/HNGĐ-ST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

[8]. Về tài sản, nếu các đương sự không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để tranh chấp tài sản chung của vợ chồng thành một vụ án khác.

[9]. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10]. Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên chị Tuyền phải chịu 300.000đ, án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, được trừ qua tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo quy định tại Khoản 1, Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11]. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***** Áp dụng: Khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1, Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Phúc xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phan Thị Mộng T;

- Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 70/2019/HNGĐ-ST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, với các nội dung:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hoàng T.

+ Về hôn nhân: Anh Lê Hoàng T được ly hôn với chị Phan Thị Mộng T.

+ Về con chung: Anh Lê Hoàng T và chị Phan Thị Mộng T có 02 con chung tên Lê Hoàng Trung Tín, sinh ngày 29/10/1996 và Lê Thị Thiên Thanh, sinh ngày 15/8/2003, hiện nay cháu Tín đã trưởng thành. Chị Tuyền được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thanh.

. Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự tự nguyện của anh Tuấn cấp dưỡng nuôi cháu Thiên Thanh 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng/tháng); thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, kể từ ngày 10/3/2019 cho đến khi cháu Thanh tròn 18 tuổi và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân; tiền cấp dưỡng do chị Tuyền đại diện nhận.

. Chị Tuyền cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Tuấn trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con.

+ Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận.

+ Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí:

+ Anh Lê Hoàng T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0003547 ngày 09/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang. Anh Tuấn đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Chị Phan Thị Mộng T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0014126 ngày 14/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang. Chị Tuyền đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- THA huyện T;
- Phòng KTNV và THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Nguyễn